

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ**

Số: /UBND-KT  
V/v báo cáo việc quản lý,  
sử dụng vốn, tài sản kết  
cấu hạ tầng thủy lợi năm  
2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đức Phổ, ngày tháng 5 năm 2024

Kính gửi:

- Phòng Kinh tế;
- UBND các xã, phường.

Thực hiện Công văn số 1776/SNNPTNT-TL ngày 03/4/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ngãi về việc báo cáo việc quản lý, sử dụng vốn, tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi năm 2023; Chủ tịch UBND thị xã có ý kiến chỉ đạo như sau:

**1. Đề nghị UBND các xã, phường:**

- Trên cơ sở các Bảng 1, 2, 3 kèm theo Báo cáo số 190/BC-UBND ngày 31/5/2023 của UBND thị xã Đức Phổ về tình hình quản lý sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đến hết năm 2022 trên địa bàn thị xã Đức Phổ gửi kèm theo Văn bản này; đề nghị các địa phương bổ sung tài sản (công trình) thủy lợi mới và rà soát, cập nhật các thông tin về nguyên giá, giá trị khấu hao, giá trị hao mòn, giá trị còn lại, tình trạng tài sản thủy lợi đến hết năm 2023 do các địa phương đang quản lý (*theo Biểu mẫu đính kèm*).

- Đánh giá kết quả đạt được, những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn việc thực hiện quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo Nghị định 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi và Kế hoạch số 135/KH-UBND ngày 20/11/2018 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị định 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017.

- Báo cáo gửi về UBND thị xã (qua Phòng Kinh tế) **trước ngày 12/5/2024.**

**2.** Trên cơ sở báo cáo của UBND các xã, phường, giao Phòng Kinh tế tổng hợp, tham mưu UBND thị xã báo cáo việc quản lý, sử dụng vốn, tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi năm 2023 trên địa bàn thị xã gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh **trước ngày 14/5/2024.**

Yêu cầu UBND các xã, phường, Phòng Kinh tế khẩn trương phối hợp thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT, các PCT UBND thị xã;
- VP HĐND và UBND thị xã;
- Lưu: VT, PKT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Ngọc Sang**

**Biểu số 1. Số lượng công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng hiện có**

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Trong đó		Ghi chú
				Xã, phường quản lý	Tổ chức TLCS quản lý	
1	Tổng số Km kênh mương cấp 3 và kênh mương nội đồng	Km				
2	Tổng số Km kênh mương cấp 3 và kênh mương nội đồng đã kiên cố hóa	Km				
3	Hồ chứa có dung tích từ 50.000 đến 500.000 m <sup>3</sup>	hồ				
4	Hồ chứa có dung tích nhỏ hơn 50.000 m <sup>3</sup>	hồ				
5	Trạm bơm có tổng lưu lượng từ 1000 m <sup>3</sup> /h đến 3600 m <sup>3</sup> /h	trạm				
6	Trạm bơm có tổng lưu lượng nhỏ hơn 1000 m <sup>3</sup> /h	trạm				
7	Đập dâng có chiều cao từ 5 đến 10m	đập				
8	Đập dâng có chiều cao nhỏ hơn 5m	đập				
9	Cống có chiều rộng thoát nước < m (riêng ĐBSCL <10m)	cống				
10	Đường ống nhỏ (D<500mm)	m				

**Biểu số 2. Kết quả thực hiện Thành lập/củng cố tổ chức thủy lợi cơ sở**

<b>TT</b>	<b>Loại hình</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>I</b>	<b>Hợp tác xã</b>		
1	HTX NN có làm dịch vụ thủy lợi		
2	HTX chỉ làm dịch vụ thủy lợi		
<b>II</b>	<b>Tổ hợp tác</b>		
<b>III</b>	<b>Ủy ban nhân dân xã</b>		
	Cụ thể loại hình gì (Tổ/đội/Ban QL thủy nông)		
	<b>Tổng cộng</b>		

**Ghi chú:**

- Cột TT (3) Chỉ thống kê số lượng loại hình “Tổ hợp tác” được thành lập theo Nghị định 151/2007/NĐ-CP hoặc Nghị định 77/2019/NĐ-CP về Tổ hợp tác;
- Đối với các tổ, đội, Ban Quản lý thủy nông do UBND xã thành lập thì kê khai vào mục UBND xã và ghi rõ số lượng UBND, tổ/đội/Ban.

**Biểu số 03. Kết quả thu, chi kinh phí thủy lợi nội đồng**

TT	Nội dung	Thu		Cơ cấu chi			Ghi chú
		Mức thu (đ/ha/vụ)	Tỷ lệ thu được (%)	Lương (%)	Sửa chữa công trình (%)	Chi phí khác (%)	
1	Tổ chức TLCS quản lý công trình thủy lợi nhỏ độc lập						
2	Tổ chức TLCS quản lý một phần công trình nằm trong hệ thống công trình thủy lợi do đơn vị khai thác của tỉnh quản lý						

**Biểu số 4. Kết quả tăng cường năng lực cho tổ chức thủy lợi cơ sở năm 2022**

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Số lớp được tổ chức đào tạo, tập huấn	Lớp		
2	Số người được đào tạo, tập huấn	Người		
3	Nguồn kinh phí	Triệu đồng		

**Biểu số 5. Kết quả thực hiện tiêu chí Thủy lợi năm 2022 và kế hoạch năm 2023**

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Kết quả thực hiện trong năm 2022</b>	<b>Lũy kế kết quả thực hiện đến 31/12/2022</b>	<b>Kế hoạch thực hiện năm 2023</b>	<b>Ghi chú</b>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
<b>I</b>	<b>Xã nông thôn mới</b>				
1	Tổng số xã xây dựng nông thôn mới				
2	Số xã đạt chuẩn NTM				
3	Số xã đạt NTM Nâng cao				
4	Số xã đạt NTM Kiểu mẫu (có liên quan đến thủy lợi)				
5	Số xã đạt chỉ tiêu 3.1 trong Bộ tiêu chí xã NTM gđ 2021-2025				
6	Số xã đạt 05 chỉ tiêu (3.1-3.5) trong Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao gđ 2021-2025				
<b>II</b>	<b>Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu chủ động (toàn xã)</b>				

